

Phân tích kết quả kinh doanh của các hộ dân trong chuỗi giá trị chè sạch tại huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La

TRẦN VĂN HIỆP*
LÊ MINH THỐNG**

Tóm tắt

Mô hình canh tác chè truyền thống sử dụng nhiều phân bón hóa học và thuốc kích thích, thuốc diệt cỏ đã có tác động rất lớn đến môi trường và sức khỏe người tiêu dùng. Việc chuyển đổi mô hình sản xuất, kinh doanh chè từ vô cơ sang hữu cơ rất cần được khuyến khích để giảm thiểu tác động đến môi trường và sức khỏe người tiêu dùng. Bài viết phân tích sự tương tác giữa các thành phần trong chuỗi giá trị và đánh giá kết quả kinh doanh của các hộ dân trong chuỗi giá trị chè sạch tại huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Kết quả phân tích cho thấy, các cơ sở chế biến phối hợp tốt với các hộ dân, như: hướng dẫn các hộ dân kỹ thuật canh tác chè sạch, hỗ trợ tài chính cho các hộ dân trong việc mua phân hữu cơ, cam kết thu mua chè. Sản lượng chè sạch thu hoạch bình quân đạt 12,5 tấn/ha/năm. Do các doanh nghiệp chế biến có quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu, thiếu vốn, nên khó đáp ứng tiêu chuẩn sản xuất hữu cơ.

Từ khóa: kỹ thuật chăm sóc chè, khai thác chè, chuỗi giá trị chè sạch, công nghệ chế biến chè

Summary

The traditional tea farming model using a lot of chemical fertilizers, stimulants and herbicides has created a huge impact on the environment and consumer health. Therefore, the transformation of inorganic to organic production should be encouraged to minimize the influence on the environment and consumer health. This paper analyzes the interaction between components in the value chain and evaluates the business results of households in clean tea value chain in Thuan Chau district, Son La province. Research results show that the processing facilities well cooperate with households in terms of guiding them in clean tea cultivation techniques, providing households with financial support to buy organic fertilizers, committing to purchase tea. The average harvest of clean tea is 12.5 tons/ha/year. Processing enterprises with small scale, outdated technology, in lack of capital are difficult to meet organic production standards.

Keywords: tea care techniques, tea extraction, clean tea value chain, tea processing technology

GIỚI THIỆU

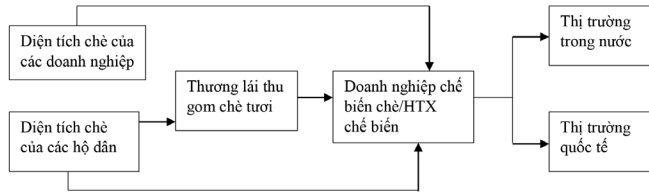
Việt Nam có khoảng 124.000 ha chè, trong đó tỉnh Sơn La có 5.772 ha, huyện Thuận Châu có 1.400 ha [4,5]. Chè đóng góp quan trọng vào sinh kế và phát triển kinh tế - xã hội của nhiều tỉnh phía Bắc, như: Sơn La, Thái Nguyên, Hà Giang. Các sản phẩm chè của tỉnh Sơn La không chỉ được tiêu thụ ở thị trường trong nước, mà còn xuất khẩu tới các thị trường quốc tế, như: Trung Quốc và Đài Loan. Hiện

nay, một số diện tích chè của các hộ dân và hợp tác xã (HTX) tại tỉnh Sơn La được trồng và sản xuất theo mô hình VietGAP, một số thương hiệu chè được công nhận sản phẩm OCOP của Tỉnh. Tuy nhiên, hầu hết diện tích chè vẫn canh tác theo mô hình vô cơ với việc sử dụng nhiều phân hóa học, thuốc trừ sâu, diệt cỏ, chất kích thích, điều này ảnh hưởng lớn đến môi trường, chất lượng đất, nguồn nước ngầm và sức khỏe người tiêu dùng. Do sử dụng nhiều hóa chất trong quá trình canh tác, nên khó đáp ứng các yêu cầu an toàn thực phẩm của các nước phát triển, như: châu Âu và Mỹ [2]. Việc tương tác và phối hợp giữa các thành phần trong

* TS., ** TS., Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Ngày nhận bài: 01/02/2023; Ngày phản biện: 15/02/2023; Ngày duyệt đăng: 22/02/2023

HÌNH: SƠ ĐỒ CHUỖI GIÁ TRỊ CHÈ TẠI HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA



Nguồn: Phòng văn thực địa và Nguyễn Việt và cộng sự, (2021)

chuỗi giá trị chè tại tỉnh Sơn La nói chung và huyện Thuận Châu nói riêng cần được cải thiện theo hướng chuỗi giá trị sản xuất. Việc hình thành chuỗi giá trị và liên kết chặt chẽ giữa các khâu trong chuỗi giá trị là cần thiết để phát triển bền vững chuỗi giá trị và tạo thu nhập ổn định cho người trồng chè. Bài viết đánh giá tổng quan cấu trúc chuỗi giá trị chè sạch và kết quả kinh doanh của các hộ dân tại huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Kết quả nghiên cứu là tài liệu tham khảo có giá trị cho các nhà khoa học, chính quyền địa phương và những người hoạch định chính sách cho phát triển chuỗi giá trị chè sạch, chè an toàn và tạo sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Số liệu sơ cấp được thu thập vào tháng 8/2022, thông qua phương pháp phỏng vấn sâu với 16 hộ dân trồng chè sạch, 3 thương lái thu mua chè, 1 cơ sở chế biến theo các chủ đề khác nhau, bao gồm: (i) Kỹ thuật trồng và thu hoạch, vận chuyển chè; (ii) Sử dụng thuốc và phân bón; (iii) Sản lượng thu hoạch, nhân công, ứng dụng máy móc trong quá trình thâm canh; (iv) Thị trường chè trong nước và quốc tế, giá bán, kênh phân phối; (v) Những thuận lợi và khó khăn trong việc sản xuất và kinh doanh chè. Đối tượng tham gia phỏng vấn và kích thước mẫu phỏng vấn được lựa chọn chủ đích dựa trên sự tư vấn của cán bộ xã Phổng Lái, Công ty TNHH Trà Thu Đan và chuyên gia. Hai cuộc thảo luận nhóm với các thành phần trong chuỗi giá trị với các chủ đề: Nâng cao giá trị chè sạch; Sự phối hợp giữa các thành phần trong chuỗi; Tiếp cận thị trường và chính sách hỗ trợ. Số liệu được phân tích theo phương pháp định tính gồm các nội dung, như: kỹ thuật trồng và khai thác, phân tích chi phí và lợi ích, sự tương tác giữa các thành phần trong chuỗi, chính sách phát triển và tiếp cận thị trường.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Tổng quan chuỗi giá trị chè sạch tại huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La

Tổng diện tích chè của huyện Thuận Châu là hơn 1.400 ha, trong đó gần 1.000 ha đang cho thu hoạch. Huyện Thuận Châu có các mô hình HTX và doanh nghiệp chế biến liên kết với các hộ dân trồng chè, như: doanh nghiệp hỗ trợ nông dân tiền mua trang thiết bị và phân bón, cam kết bao tiêu sản phẩm cho bà con. Chè sau khi thu hoạch được phân phối trực

tiếp đến các doanh nghiệp chế biến hoặc thông qua các thương lái để thu gom (Hình). Hầu hết các hộ trồng chè có diện tích trồng chè dưới 1 ha, họ được HTX và công ty chế biến hướng dẫn kỹ thuật thâm canh theo tiêu chuẩn chè sạch. Theo doanh nghiệp chè Thu Đan, doanh nghiệp cung cấp phân bón, thuốc trừ sâu theo tiêu chuẩn tới các hộ dân và hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc nhằm đảm bảo chè nguyên liệu khi thu hoạch đáp ứng yêu cầu về an toàn thực phẩm của nhà nhập khẩu Đài Loan. Các hộ gia đình cam kết và tự thành lập các nhóm tự quản, tự giám sát nhau theo mô hình thâm canh chè an toàn của doanh nghiệp. Doanh nghiệp cam kết thu mua 100% sản lượng chè sạch của các hộ dân (Hình).

Không giống như các mô hình chè vò cơ dùng nhiều hóa chất và sử dụng máy cắt để thu hoạch chè. Theo mô hình chè sạch Ô Long của Công ty TNHH Trà Thu Đan, các hộ dân được yêu cầu thực hiện thủ công ở hầu hết các công đoạn, như: làm cỏ, bón phân, thu hoạch, nên chi phí nhân công cao. Sau khi trồng, năm thứ 4 chè cho thu hoạch và chu kỳ khai thác chè từ 45-50 ngày. Sản lượng chè thu hoạch phụ thuộc nhiều vào tuổi cây và kỹ thuật chăm sóc. Sản lượng khai thác hàng năm có thể đạt từ 8-15 tấn/ha, sau khi thu hoạch các hộ dân tự vận chuyển tới doanh nghiệp chế biến để tiêu thụ.

Doanh nghiệp chế biến chè Thu Đan đánh giá thị trường chè sạch của Huyện phụ thuộc nhiều vào thị trường xuất khẩu Đài Loan và Trung Quốc. Tuy nhiên, những thị trường này bất ổn trong những năm qua, như: đại dịch Covid-19, Trung Quốc đóng biên cửa khẩu, Đài Loan và Trung Quốc có bất ổn về chính trị. Do đó, cần tìm thị trường xuất khẩu mới cho chè sạch của Huyện và hướng tới sản xuất chè theo mô hình hữu cơ để đáp ứng yêu cầu thị trường các nước phát triển, như: châu Âu và Mỹ. Do vậy, các doanh nghiệp chế biến cũng cần đa dạng hóa sản phẩm để đáp ứng được nhiều phân khúc khách hàng.

Theo phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Thuận Châu, việc áp dụng mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn chè hữu cơ đòi hỏi sự tuân thủ nghiêm ngặt từ khâu giống, diện tích đất quy hoạch, chất lượng thổ nhưỡng, kỹ thuật thâm canh và chế biến. Cùng với đó, các hộ dân và các thành phần trong

chuỗi giá trị cần được tập huấn kỹ thuật mô hình chè sạch, chè hữu cơ từ các chuyên gia và chính quyền. Tuy nhiên, chi phí tài chính cho việc chăm sóc và đánh giá mô hình chè hữu cơ cũng là rào cản để các hộ dân và HTX theo đuổi mô hình chè hữu cơ. Ngoài một số sản phẩm được chứng nhận OCOP và một số doanh nghiệp tham gia hội chợ trong nước do Tỉnh tài trợ, các HTX và doanh nghiệp chế biến chưa đầu tư vào các hoạt động marketing để quảng bá chè sạch, chè an toàn tới thị trường, chưa xây dựng được chuỗi phân phối, nên việc tiếp cận thị trường các sản phẩm chè của Huyện gặp rất nhiều khó khăn.

Kết quả sản xuất, kinh doanh của các hộ dân

Số liệu tính toán được nhóm tác giả phỏng vấn các hộ dân tham gia vào chuỗi giá trị trà sạch, trà an toàn Ô Long của Công ty TNHH Trà Thu Đan. Để có sản lượng chè khai thác cao và chu kỳ khai thác 45 ngày, các hộ dân kết hợp bón cả phân hữu cơ và vô cơ hàng năm theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà máy với chi phí phân bón hàng năm 28 triệu đồng/ha. Bên cạnh đó, các hộ dân đầu tư 16 triệu đồng/ha/năm cho thuốc kích thích sinh trưởng sinh học. Do yêu cầu kỹ thuật và sản xuất chè an toàn, nên các hộ dân không dùng thuốc diệt cỏ, thay vào đó cỏ được làm thủ công với chi phí chăm sóc hàng năm 30,4 triệu. Theo các hộ dân, toàn bộ công đoạn thu hái được thực hiện thủ công để đảm bảo tiêu chuẩn nguyên liệu sản xuất chè Ô Long; chi phí thu hoạch chiếm tỷ trọng cao nhất trong các khoản mục chi phí với 45 triệu đồng/ha/năm. Chè sau khi thu hoạch, đảm bảo chất lượng được các nhà máy thu mua với giá bình quân 15,5 nghìn đồng/kg chè tươi, giá bán có thể thay đổi từng ngày theo thị trường chè nguyên liệu. Sau khi trừ các khoản chi phí, hàng năm 1 ha người dân có thể thu được 44,6 triệu đồng tiền lãi (Bảng). Thu nhập từ chè đóng góp quan trọng vào xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội tại bản làng và họ mong muốn các doanh nghiệp tiếp tục cam kết hỗ trợ tài chính và thu mua chè nguyên liệu để họ an tâm canh tác và giữ diện tích chè.

Theo đánh giá của Công ty TNHH Trà Thu Đan, sản lượng chè thu hoạch có thể tăng thêm 30%-40% nếu áp dụng đúng quy trình kỹ thuật canh tác và bón đủ phân bón hữu cơ cùng các chế phẩm

BẢNG: PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH HỘ DÂN TRỒNG CHÈ SẠCH NĂM 2022

STT	Khoản mục chi phí và doanh thu	1.000 đồng/ha/năm
1	Doanh thu bán chè nguyên liệu	201.500
2	Chi phí giống	3.000
3	Chi phí dụng cụ trồng và chăm sóc	2.000
4	Phân bón (vô cơ và hữu cơ)	28.000
5	Thuốc kích thích sinh trưởng sinh học	16.000
6	Chi phí nhân công đào rạch và trồng	12.500
7	Chi phí nhân công chăm sóc	30.400
8	Chi phí nhân công thu hoạch	65.000
9	Thuế đất	0
10	Tổng chi phí (2+3+4+5+6+7+8+9)	156.900
11	Lợi nhuận (1-7)	44.600

Nguồn: Tính toán của tác giả

sinh học. Theo đánh giá của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Huyện, thị trường nguyên liệu chè sạch theo tiêu chuẩn VietGAP và tiêu chuẩn hữu cơ rất kén thị trường và khó tiêu thụ, vì giá nguyên liệu cao so với nguyên liệu chè trồng theo mô hình vô cơ. Do đó, các doanh nghiệp cần xác định phân khúc thị trường cho sản phẩm chè sạch, đầu tư vào các hoạt động marketing, chăm sóc khách hàng để quảng bá sản phẩm, mở rộng kênh phân phối, tiếp cận thị trường mới. Các doanh nghiệp cần liên kết với nhau để chia sẻ nguồn lực, công nghệ, thông tin thị trường, thành lập các mô hình HTX để liên kết các hộ dân với doanh nghiệp. Cùng với đó, chính quyền địa phương cần có các chính sách hỗ trợ đặc biệt để khuyến khích và thúc đẩy mô hình chè hữu cơ. Điều này không chỉ giúp bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, mà còn góp phần phát triển bền vững chuỗi giá trị chè sạch, sinh kế bà con dân tộc thiểu số tại huyện Thuận Châu.

Một số khó khăn, thách thức trong việc phát triển chuỗi giá trị chè sạch

Kết quả phân tích cho thấy, khi phát triển chuỗi giá trị chè sạch theo mô hình chè hữu cơ các hộ dân và các thành phần trong chuỗi giá trị gặp nhiều khó khăn, thách thức như sau:

- Hiện vẫn chưa có quy hoạch cho diện tích chè hữu cơ của Tỉnh, các chính sách để thúc đẩy trồng chè hữu cơ của Huyện và Tỉnh còn thiếu.

- Các hộ dân phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của VietGAP và trồng chè hữu cơ từ khâu làm đất, kỹ thuật trồng, chăm sóc, khai thác. Tuy nhiên, người trồng chè chủ yếu là nhóm dân tộc thiểu số, nên nhận thức về chè sạch, chè hữu cơ của các hộ dân hạn chế. Cùng với đó là thói quen canh tác nhiều năm với mô hình trồng chè vô cơ, nên trong thời gian ngắn người dân khó thay đổi thói quen để canh tác theo hướng mô hình chè hữu cơ.

- Các hộ gia đình thiếu nguồn nhân lực và tài chính để triển khai việc thâm canh theo các quy định

chè sạch và chè hữu cơ. Tài chính mua phân bón và thuốc kích thích tăng trưởng sinh học của các gia đình phụ thuộc vào các doanh nghiệp chế biến tạm ứng. Chè vô cơ sau thu hoạch tiêu thụ thuận lợi do giá bán nguyên liệu cạnh tranh và có nhiều doanh nghiệp thu mua, trong khi chè theo hướng hữu cơ sau khi thu hoạch, giá nguyên liệu cao, nên khó tiêu thụ. Điều này ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ dân trồng chè hữu cơ và họ không muốn mở rộng diện tích chè hữu cơ.

- Các doanh nghiệp chế biến có quy mô rất nhỏ, thiếu vốn và nguồn lực, kinh nghiệm để triển khai theo mô hình sản xuất VietGAP và hữu cơ. Do đó, việc tuân thủ các quy định chế biến chè hữu cơ gặp nhiều khó khăn, đặc biệt việc vệ sinh an toàn thực phẩm cho quy trình sản xuất, hệ thống sổ sách kế toán của doanh nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu của tổ chức cấp chứng chỉ chè hữu cơ. Các doanh nghiệp khó tiếp cận vốn vay từ ngân hàng để đầu tư vào sản xuất, do thủ tục vay vốn phức tạp, lãi suất vay vốn cao, các doanh nghiệp thiếu tài sản thế chấp cho ngân hàng. Do thiếu tài chính, nên các doanh nghiệp không có khả năng đầu tư vào các hoạt động marketing và xúc tiến thương mại, việc tiếp cận thị trường khó khăn. Ngoài ra, các doanh nghiệp thiếu kinh nghiệm trong việc đầu tư vào kênh thương mại điện tử để tiếp cận khách hàng trong nước và quốc tế.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Để phát triển chuỗi giá trị chè sạch, chè an toàn và hướng tới mô hình chè hữu cơ tại huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp như sau:

Một là, tỉnh Sơn La và huyện Thuận Châu nên sớm có quy hoạch quỹ đất cho trồng chè hữu cơ với các chính sách ưu đãi đặc biệt để khuyến khích người dân tham gia vào việc trồng chè hữu cơ. Đồng thời, tuyên truyền để người dân nâng cao nhận thức việc canh tác chè hữu cơ để cải thiện sinh kế, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Hai là, hầu hết các hộ dân chưa hiểu về quy trình canh tác chè hữu cơ và nhận thức về chè hữu cơ còn thấp, nên cần tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật canh tác theo tiêu chuẩn chè hữu cơ cho người trồng chè.

Ba là, các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, thiếu quy trình sản xuất, công nghệ lạc hậu, nên rất khó đáp ứng điều kiện sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ, do đó các trung tâm và viện nghiên cứu cần phối hợp với doanh nghiệp để chuyển giao công nghệ. Doanh nghiệp cần tham gia các lớp tập huấn kỹ thuật xây dựng quy trình sản xuất theo hữu cơ.

Bốn là, để khuyến khích mô hình trồng chè sạch, hướng đến sản xuất sản phẩm chè theo tiêu chuẩn hữu cơ, chính quyền huyện Thuận Châu nên chọn một số mô hình sản xuất chè hữu cơ điển hình, nhằm hỗ trợ xây dựng chuỗi giá trị theo tiêu chuẩn hữu cơ. Các mô hình trồng chè hữu cơ thành công sẽ là mô hình mẫu quan trọng để các hộ dân học theo, truyền cảm hứng cho các hộ dân và nhân rộng sang các địa bàn khác.

Năm là, xúc tiến thương mại đóng vai trò quan trọng trong việc tiếp cận thị trường, do đó tỉnh Sơn La sớm thành lập trung tâm xúc tiến thương mại chè để hỗ trợ đào tạo marketing cho các doanh nghiệp. Kết nối khách hàng trong và ngoài nước cho các doanh nghiệp thông qua các chương trình tham gia hội chợ thương mại trong và ngoài nước, xây dựng gian hàng thương mại điện tử, xây dựng câu chuyện về chè của tỉnh Sơn La để quảng bá trên nền tảng mạng xã hội. Hơn nữa, các sản phẩm chè cần được chế biến sâu, đa dạng về chủng loại sản phẩm, đáp ứng được nhiều phân khúc khách hàng khác nhau. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bui, H. T. M., Nguyen, H. T. T. (2021), Factors influencing farmers' decision to convert to organic tea cultivation in the mountainous areas of northern Vietnam, *Org. Agric*, 11, 51-61.
2. Doanh, N. K., Thuong, N. T. T., Heo, Y. (2018), Impact of conversion to organic tea cultivation on household income in the mountainous areas of Northern Vietnam, *Sustainability*, 10(12), <https://doi.org/10.3390/su10124475>.
3. Karimov, A.A., Thinh, N.T., Cadilhon, J.J., Tung, H.T., Hai, D.T., Van Doan, V., Duan, B.Q. (2016), *Value chain assessment report for maize, pig, plum and tea in Son La province of Northwest Vietnam*, ILRI (aka ILCA and ILRAD).
4. Nguyễn Việt, K., Nguyễn Bình, G., Tô Linh, H., Nguyễn Thị Phương, L., Vũ Thị Phương, A. (2021), Chuỗi giá trị sản xuất chè hữu cơ ở Việt Nam, *Tạp chí Phát triển bền vững vùng*, số 2, 77-87
5. Sở Công Thương (2022), *Công văn số 567/SCT-QLTM, ngày 14/4/2022 đến 26 tỉnh, thành phố về việc phối hợp tổ chức Hội nghị kết nối xúc tiến tiêu thụ, xuất khẩu Xoài và nông sản tỉnh Sơn La năm 2022*.